Vietnam FixedIncome

MBS CHỨNG KHOÁN MB

Báo cáo thị trường trái phiếu tiền tệ 03 tháng 06, 2019

Nguyễn Phi Long
Chuyên viên phân tích
Long.nguyenphi@mbs.com.vn

Hoàng Công Tuấn
Trưởng bộ phận kinh tế
Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm duy trì dưới mức 3%/năm phần lớn thời gian trong tháng 05. Tỷ giá VND có tháng biến động mạnh nhất sau khi duy trì ổn định từ đầu năm tới nay, vượt lên trên vùng 23.400 đồng/USD. Lợi suất trái phiếu KBNN giảm nhẹ, có 12.000 tỷ đồng TPCP trúng thầu trong tháng 05. Thanh khoản thị trường TPCP thứ cấp giảm 13% so với tháng 04, đạt 8.000 tỷ/ngày. Quy mô thị trường TPDN đã tăng trưởng gần 03 lần trong 04 năm, từ đầu năm đến nay các doanh nghiệp đã phát hành gần 50 nghìn tỷ TPDN, trong đó lĩnh vực tài chính chiếm đến 77,5%.

Thị Trường Tiền Tệ

Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm duy trì dưới mức 3%/năm phần lớn thời gian trong tháng 05

Nửa cuối tháng 05, NHNN phát hành 150 nghìn tỷ tín phiếu, nâng lượng tín phiếu phát hành trong tháng 05 lên 203 nghìn tỷ đồng, trong khi đó, có 168 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, như vậy NHNN đã hút ròng 35 nghìn tỷ qua kênh tín phiếu. Không có OMO phát hành 2 tuần cuối tháng 05, NHNN hút 305 tỷ đồng qua nghiệp vụ mua bán lại, nhìn chung, NHNN đã hút ròng tháng thứ 04 liên tiếp, xấp xỉ 35 nghìn tỷ đồng trên thị trường mở trong tháng 05, nâng lượng hút ròng khỏi hệ thống ngân hàng lên mức 161 nghìn tỷ từ đầu năm đến nay.

Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm trong 02 tuần cuối tháng 05 duy trì dưới mức 3%/năm. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm đóng cửa ngày 31/5 ở mức 2.8%/năm, giảm 90 điểm cơ bản so với trung bình tháng 04. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 01 tuần, 02 tuần, 01 tháng giảm 03, 09, 10 điểm cơ bản so với cuối tháng 04, lần lượt ở mức 2,98%, 3,18% và 3,38%/năm.

Thuật ngữ viết tắt:

TPCP: Trái phiếu chính phủ

NSNN: Ngân sách nhà nước

NHNN: Ngân hàng nhà nước

NHTM: Ngân hàng thương mại

KBNN: Kho bạc nhà nước

GTGD: Giá trị giao dịch

NĐTNN: Nhà đầu tư nước ngoài

TCTD: Tổ chức tín dụng

Tỷ giá VND có tháng biến động mạnh nhất sau khi duy trì ổn định từ đầu năm tới nay

Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung tiếp tục leo thang khi đàm phán thất bại đầu tháng 05 khiến đồng Nhân dân tệ giảm giá mạnh 2,54% so với đồng USD. Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất nhập khẩu song phương chiếm 1/4 tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam. Việc đồng NDT mất giá mạnh đã gây biến động lớn lên thị trường tỷ giá của Việt Nam trong tháng 05, tỷ giá trên thị trường đã tăng từ mức 23.200 ngày 17/04, lên mức 23.420 trên thị trường tự do, tương đương với mức tăng 0,95%. Tỷ giá liên ngân hàng hiện tại giao dịch quanh mức 23.415 đồng, giá bán USD tại ngân hàng Vietcombank đóng cửa ngày 31/05 sát ngưỡng 23.500 ở mức 23.475. Tỷ giá trung tâm của NHNN tăng 37 đồng (+0,2%) so với cuối tháng 04, lên mức 23.065 VND/USD. Tuy nhiên, các yếu tố kỳ vọng biến

động của tỷ giá sẽ được kiểm soát: i) Dự trữ ngoại hối đang ở mức cao khoảng 66 tỷ USD tương đương với trên 3 tháng nhập khẩu, NHNN chủ động mua ròng 8,35 tỷ USD từ đầu năm tới nay nâng dự trữ quốc gia ii) Lượng ngoại tệ lớn từ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như vốn FII đầu tư vào các DNNN thoái vốn iii) Can thiệp của chính quyền Trung Quốc để hỗ trợ tỷ giá đồng NDT.

Tỷ giá NDT bắt đầu tăng mạnh thời điểm giữa tháng 04 từ mức 6.67 NDT/USD lên mức 6.9 NDT/USD, tương đương với mức tăng 3,55%. Cùng thời điểm, đồng bạc xanh đã tăng 0,83% với chỉ số DXY tăng từ 96.94 điểm lên 97.75 điểm đóng cửa ngày 31/05. Từ đầu năm đến nay khiến đồng Việt Nam giảm 0,88% so với đồng USD, NDT giảm -0,62%, Thái Baht tăng +1,96%, Rupiah Indonesia tăng 1,40%, Singapore Dollar giảm -1,16%, đồng Peso Philippines tăng +0,46% YTD.

Hình 1. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)

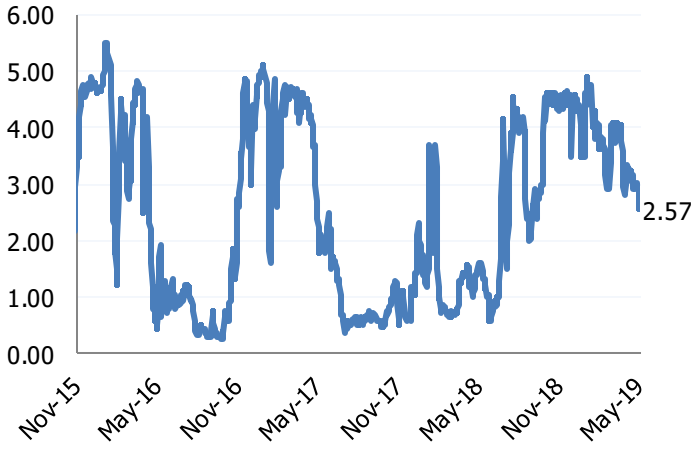

Nguồn: Bloomberg.

Hình 2. Thanh khoản thị trường mở (Bơm Ròng)

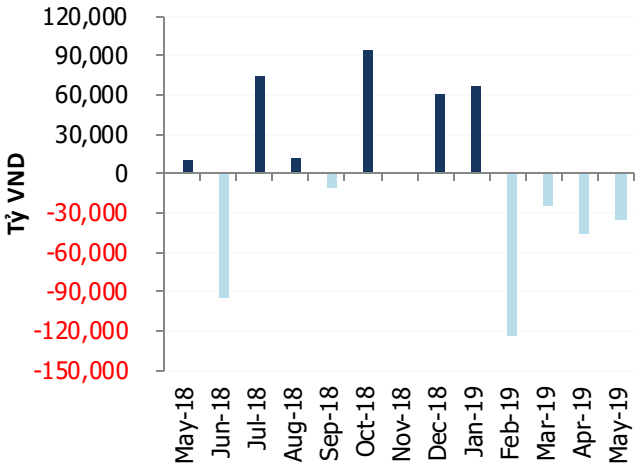

Nguồn: NHNN, MBS.

Hình 3. Lãi suất liên ngân hàng

	Qua đêm	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng
28/02	3,64	3,78	3,94	4,08
29/03	4,00	4,03	4,07	4,17
26/04	2,84	3,01	3,27	3,48
31/05	2,80	2,98	3,18	3,38
(%)				

Nguồn: Bloomberg.

Hình 4. Tỷ giá USD/VND

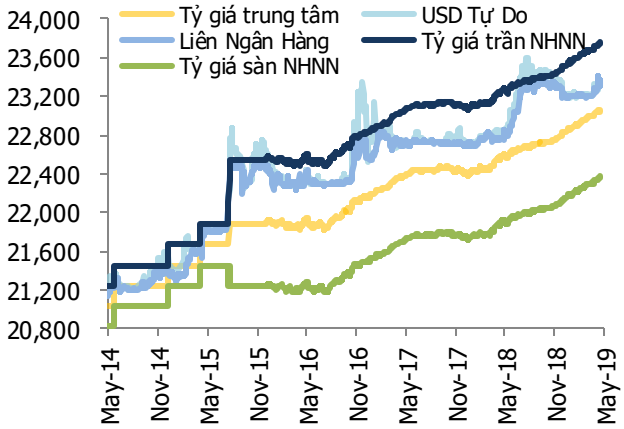

Nguồn: Bloomberg.

Hình 5. Tỷ giá một số đồng tiền trong khu vực so với USD

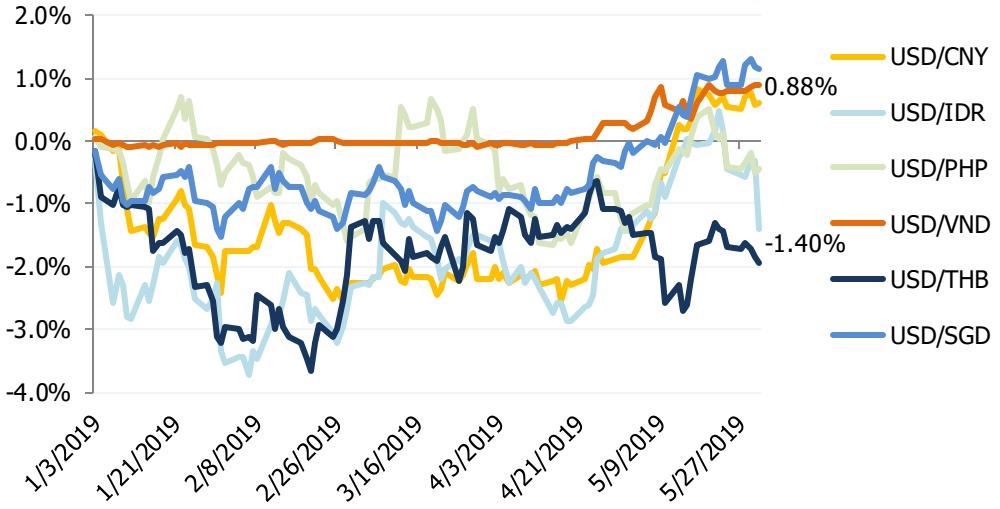

Nguồn: Bloomberg.

Thị Trường Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

Lợi suất giảm nhẹ, KBNN phát hành 12 nghìn tỷ đồng trong tháng 05

KBNN chào bán 17.000 tỷ đồng TPCP trong tháng 05, có 12 nghìn tỷ TPCP trúng thầu, giảm 5% so với tháng trước, tỷ lệ trúng thầu tăng nhẹ so với tháng 04 lên 70%. TPCP kỳ hạn 10, 15, 20 năm thu hút nhà đầu tư với tỷ lệ trúng thầu cao, đạt lần lượt 79%, 89% và 100%. Có 8.300 tỷ đồng TPCP kỳ hạn 10N và 15N gọi thầu thành công, chiếm tỷ trọng 70% số tiền huy động được từ TPCP.

1.000 tỷ đồng TPCP kỳ hạn 7N huy động không có nhà đầu tư quan tâm, kỳ hạn 5N chỉ trúng thầu 5% lượng chào bán, đạt 106 tỷ đồng. Lượng TPCP kỳ hạn 30N, kỳ hạn dài nhất trong các TPCP do KBNN phát hành, lần đầu tiên phát hành thành công trên 1.000 tỷ đồng, đạt 1.250 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu 71%.

Mặt bằng lợi suất TPCP trên thị trường sơ cấp giảm nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn so với tháng 04, duy nhất kỳ hạn 5N không đổi ở mức 3,7%/năm. Lợi tức TPCP kỳ hạn 10N, 5N, 20N giảm nhẹ lần lượt 03, 02, 01 điểm cơ bản, ở mức 4,69%, 5,04%, 5,68% và 5,85%/năm.

Thị trường thứ cấp

Thanh khoản thị trường giảm 13% tháng 04, đạt 8.000 tỷ/ngày

Tổng GTGD trên thị trường thứ cấp đạt 176 nghìn tỷ đồng trong tháng 05, tăng nhẹ so với tháng 04, thanh khoản giảm 13% chỉ đạt 8 nghìn tỷ/ngày. Khối lượng giao dịch Outrights tăng 12% so với tháng trước, đạt 86 nghìn tỷ đồng, thanh khoản trung bình ngày đạt 3,9 nghìn tỷ. Giao dịch Repo giảm 8%, đạt 90 nghìn tỷ đồng, GTGD trung bình ngày là 4.100 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch Outrights và Repo gần tương đương nhau, lần lượt chiếm 49% và 51% tổng GTGD.

Hình 6. Kết quả đấu thầu TPCP tháng 05/2019

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
5N	2.000	106	5%	3,70%
7N	1.000	0	0%	0%
10N	5.500	4.330	79%	4,69% - 4,72%
15N	4.500	4.000	89%	5,04% - 5,06%
20N	2.250	2.250	100%	5,68% - 5,69%
30N	1.750	1.250	71%	5,85% - 5,88%
Tổng	**17.000**	**11.936**	**70%**	**Đơn vị: tỷ đồng**

Nguồn: HNX, MBS.

Hình 7. Tỷ trọng TPCP trúng thầu T05/2019

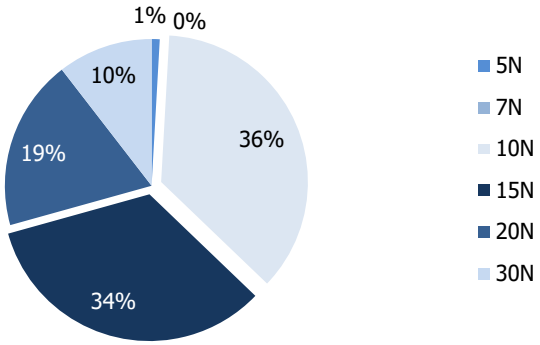

Nguồn: HNX, MBS.

Hình 8. Kế hoạch phát hành TPCP năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ hạn	Kế hoạch Q1/2019	Kế hoạch Q2/2019	Kế hoạch 2019	Đã phát hành trong Q1	Đã phát hành trong Q2	% Kế hoạch Q2	% Kế hoạch năm YTD
5 Năm	7.000	10.000	40.000	4.150	106	1%	11%
7 Năm	5.500	5.000	30.000	3.350	200	4%	12%
10 Năm	30.000	26.000	70.000	31.180	9.270	36%	58%
15 Năm	26.000	30.000	78.000	28.205	10.400	35%	49%
20 Năm	3.000	5.000	20.000	1.749	3.086	62%	24%
30 Năm	2.000	4.000	22.000	835	1.450	36%	10%
Tổng	**73.500**	**80.000**	**260.000**	**69.469**	**24.512**	**31%**	**36%**

Nguồn: KBNN, HNX, MBS.

Hình 9. Tỷ trọng TPCP trúng thầu từ đầu năm đến 15/05

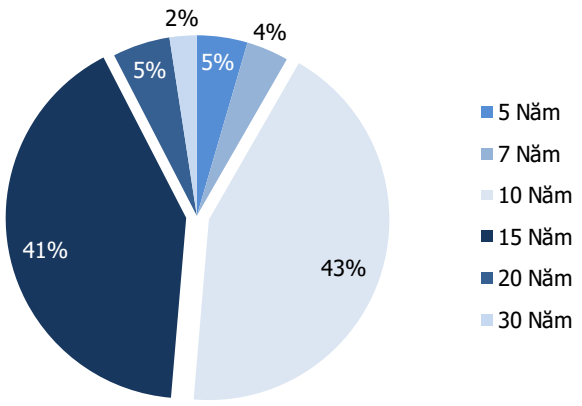

Nguồn: KBNN, HNX, MBS.

Hình 10. Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm

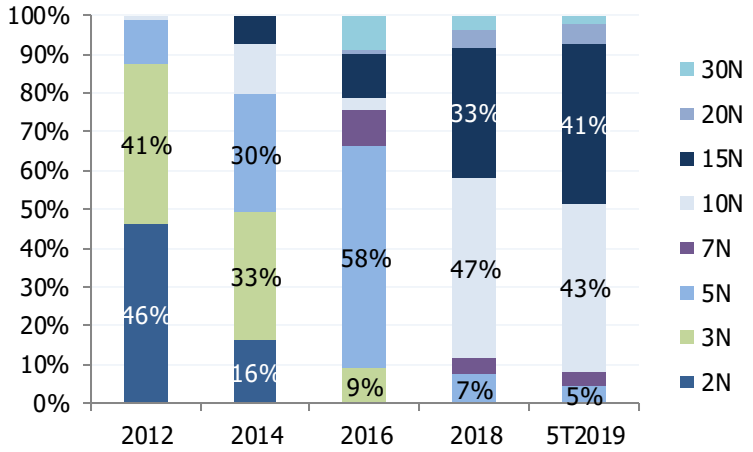

Nguồn: HNX, MBS.

Mặt bằng lợi tức giảm ở các kỳ hạn 2N, 5N, 10N và 15N trong khi lợi suất các kỳ hạn 1N, 3N và 7N tăng nhẹ so với tháng 04. Lợi suất kỳ hạn 1N, 3N, 7N ở mức 3,26%, 3,61% và 4,29%, tăng lần lượt 0,8, 1,5 và 2 điểm cơ bản. Lợi suất kỳ hạn 2N, 5N, 10N và 15N giảm lần lượt 2,3, 7, 4,9 và 5,7 điểm cơ bản, ở mức 3,46%, 3,85%, 4,75% và 5,1%/năm. Chênh lệch lợi suất kỳ hạn 2N và 10N là 129 điểm cơ bản, giảm 2,2 điểm cơ bản so với cuối tháng 04.

Quy mô giao dịch của khối ngoại trong tháng 05 thấp nhất trong 06 tháng do biến động của tỷ giá, đạt 4.100 tỷ đồng. Tuy vậy, khối ngoại vẫn mua ròng 870 tỷ đồng trên thị trường TP thứ cấp, tháng thứ 07 liên tiếp, từ đầu năm đến nay, khối ngoại đã mua ròng 7,1 nghìn tỷ đồng TPCP Việt Nam.

Kỳ vọng Fed giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 06 với xác suất tăng lên 16% khiến lợi suất TPCP 10N của Mỹ giảm mạnh 38 điểm cơ bản xuống mức 2,12%/năm, như vậy đã giảm 56 bps so với thời điểm đầu năm. Chiến tranh thương mại làm tăng lo ngại suy giảm tăng trưởng toàn cầu, đặc biệt là tại Trung Quốc - người tiêu thụ của thế giới, dẫn đến kỳ vọng các NHTW sẽ phải hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế, đẩy lợi suất TPCP sụt giảm. TPCP Nhật kỳ hạn 10N ở mức -0,1%/năm, TPCP 10N của Hàn Quốc giảm 18 điểm cơ bản so với tháng 04, ở mức 1,67%/năm, Trung Quốc giảm 12 điểm cơ bản, đạt 3,28%/năm.

Hình 11. Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia **Tính đến ngày 31/05/2019**

***Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại**

Thị Trường	Hiện Tại	Hôm Qua*	Tuần Trước*	1/1/2019
			-40 -20 0 20	
Mỹ	2.12	-8.87	-19.6	-56.0
EU	-0.20	-2.70	-5.8	-44.4
Nhật Bản	-0.10	-1.70	-2.7	-9.9
Trung Quốc	3.28	-1.20	-7.1	10.5
Hàn Quốc	1.67	-7.20	-12.6	-28.1
Ấn Độ	7.14	0.00	-3.2	-28.3
Malaysia	3.78	-3.00	-3.0	-28.6
Singapore	2.13	-3.80	-4.1	7.4
Indonesia	7.96	-8.70	3.9	-8.5
Philippines	3.11	-5.90	-9.0	-78.5
Thái Lan	2.48	-4.60	-6.4	-8.8
Việt Nam	**4.75**	**0.00**	**-2.2**	**-39.0**

Nguồn: Bloomberg.

Hình 12. Lợi suất TPCP (%)

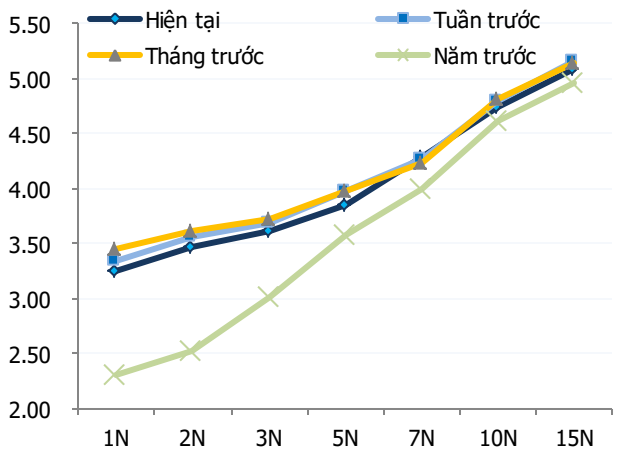

Nguồn: Bloomberg.

Hình 13. Chênh lệch lợi suất TPCP VN 2N và 10N (bps)

Nguồn: Bloomberg.

Hình 14. GTGD Outrights và Repos trên thị trường thứ cấp

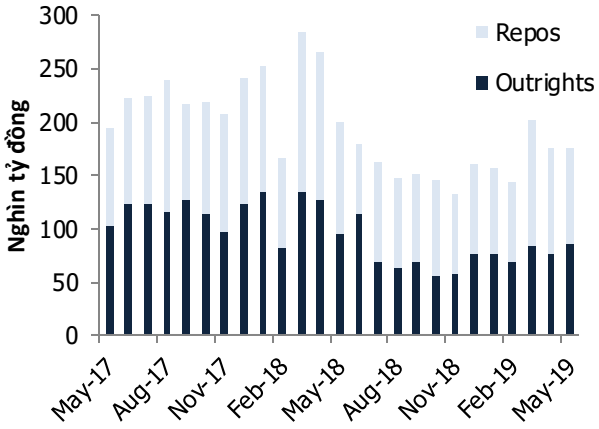

Nguồn: HNX.

Hình 15. Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp

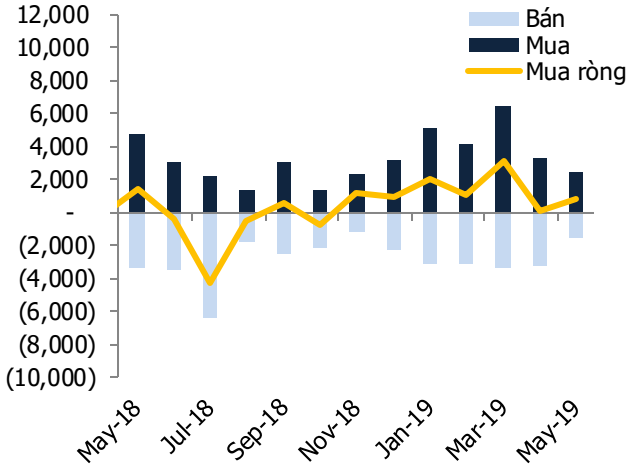

Nguồn: HNX.

Hình 16. Xác suất Fed giảm lãi suất trong kỳ họp ngày 19/06

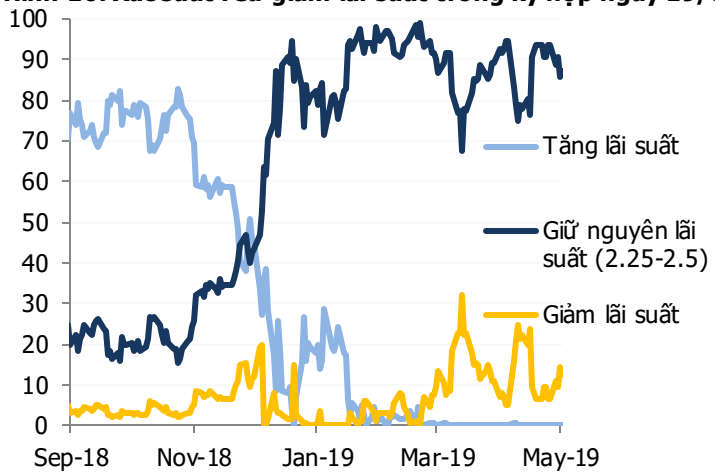

Hình 17. Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp

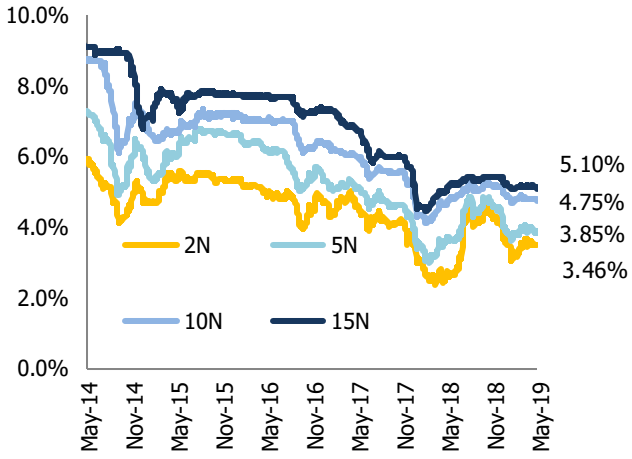

Thị Trường Trái Phiếu Doanh Nghiệp

Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam theo quyết định của thủ tướng chính phủ số 1191/QĐ-TTg đề ra mục tiêu nâng quy mô thị trường trái phiếu lên 45% GDP năm 2020 và 65% GDP năm 2030, trong đó, dư nợ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt 7% GDP năm 2020 và 20% vào năm 2030. Theo ngân hàng phát triển châu Á ADB, trong 4 năm trở lại đây, quy mô thị trường TPDN của Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ 261%, dư nợ toàn thị trường đến hết Q1/2019 là 4,34 tỷ USD, tương đương với 1,8% GDP, tuy nhiên, vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với trung bình các nước ASEAN (15,7%), Trung Quốc (29,5%), Hàn Quốc (74,3%), Malaysia (46,3%), Thái Lan (21,2%).

Hình 18. Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam

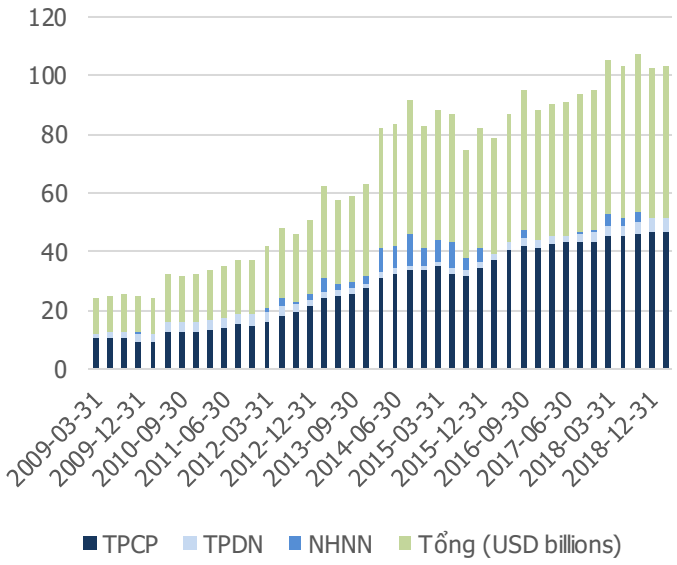

Nguồn: ADB, MBS.

Hình 19. Dư nợ trái phiếu đến Q1/2019

Tỷ đồng	Dư nợ	% Tổng dư nợ
TPCP	919.151	77%
Tín phiếu NHNN	4.900	0,4%
TP CPBL	168.177	14%
TPDN	100.731	8%
Tổng dư nợ TP	**1.192.959**	100%

Nguồn: ADB, MBS.

Hình 20. Quy mô các thị trường trái phiếu

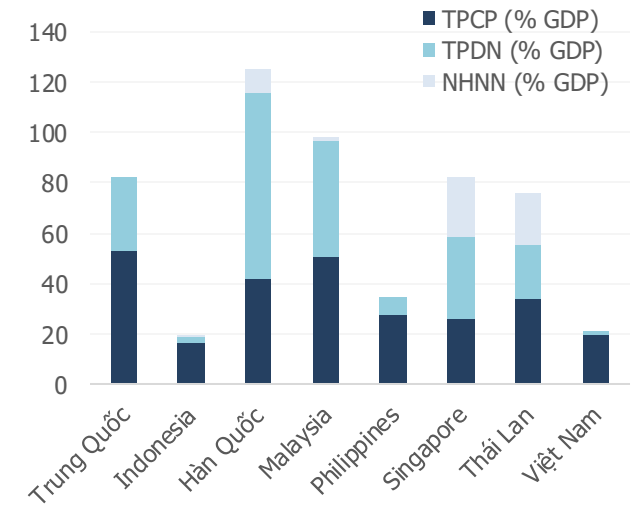

Nguồn: ADB, MBS.

Hình 21. Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam từ 2009

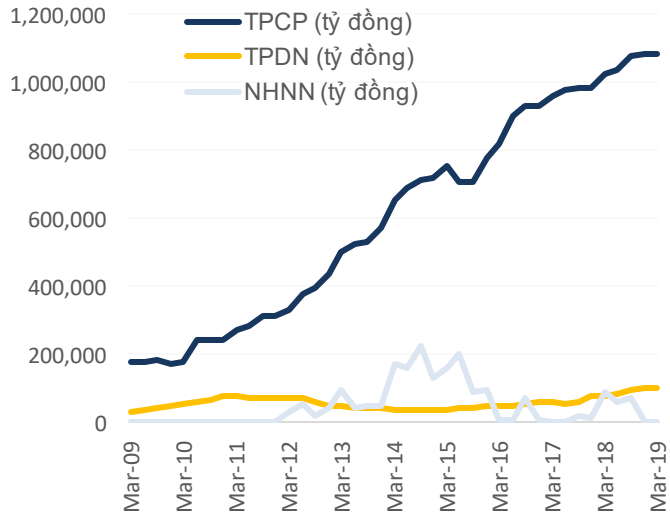

Nguồn: ADB, MBS.

Từ đầu năm đến nay, có gần 50 nghìn tỷ đồng TPDN được phát hành, trong đó nhóm ngành tài chính như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản chiếm tỷ trọng đến 77,5%. Nhóm ngành ngân hàng phát hành 17,6 nghìn tỷ đồng, trong đó VPB phát hành 5.600 tỷ, chiếm đến 32%, kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định từ 6,4% - 6,9%. Nhóm ngành bất động sản, xây dựng, hạ tầng đứng thứ hai về lượng trái phiếu phát hành với 16,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 27%. Đây là nhóm ngành có mức lãi suất coupon cao nhất, phổ biến trên 10%/năm, cao nhất là trái phiếu của Phát Đạt với mức lãi suất coupon lên đến 14,5%/năm. TPDN của các doanh nghiệp BĐS, xây dựng thường có tài sản đảm bảo dưới dạng quyền sử dụng đất, có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm (CII), phổ biến là kỳ hạn 2 năm. Các doanh nghiệp chứng khoán cũng huy động 4,9 nghìn tỷ thông qua hình thức phát hành trái phiếu 05 tháng đầu năm, với lãi suất coupon từ 8% - 11,3%, kỳ hạn phổ biến từ 1 – 3 năm. Vndirect dẫn đầu với 1.460 tỷ đồng trái phiếu phát hành, kỳ hạn từ 1-3 năm, lãi suất 9,5% - 11,3%/năm, trong đó 660 tỷ đồng là trái phiếu chuyển đổi.

Hiện tại, TPDN chủ yếu phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp (CTCK) trên thị trường OTC dưới dạng ghi sổ, số lượng TPDN phát hành bởi các DNNN và doanh nghiệp tư nhân niêm yết trên sàn HOSE vẫn khá hạn chế, chỉ có một vài doanh nghiệp lớn như HCM, ANC, BID, CII, KBC, NVL, VIC và MSN… HNX đang triển khai xây dựng chuyên trang về TPDN để cung cấp các thông tin chi tiết về doanh nghiệp phát hành trái phiếu, giá phát hành, lãi suất coupon, lượng phát hành vv… tạo điều kiện cho thị trường thứ cấp TPDN phát triển.

Luật hiện hành chưa yêu cầu TPDN phát hành tại Việt Nam phải được xếp hạng tín nhiệm do trong nước chưa có tổ chức xếp hạng tín nhiệm nào. Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu năm 2017 đưa ra mục tiêu tất cả chứng khoán nợ phát hành trong nước sẽ được xếp hạng bởi 02 tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Chính phủ cần nhanh chóng phát triển các quy định về tổ chức xếp hạng tín nhiệm cho TPDN để tạo khung pháp lý cho thị trường thứ cấp được phát triển, bảo vệ nhà đầu tư. Đồng thời, TPDN phát hành riêng lẻ cần được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán để có thể cung cấp đầy đủ thông tin, và đăng ký tại VSD.

Về cơ cấu nhà đầu tư, ngoài các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp như các NHTM, CTCK, quỹ đầu tư trái phiếu, luật BHXH điều chỉnh cho phép quỹ BHXH được đầu tư vào TPDN có xếp hạng tín nhiệm cao, cho phép cty bảo hiểm, đặc biệt bảo hiểm nhân thọ với danh mục đầu tư 275 nghìn tỷ đồng (2018) tăng tỷ trọng danh mục đầu tư vào TPDN sẽ là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển quy mô của thị trường TPDN.

Hình 22. Phát hành TPDN từ đầu năm 2019

Tổ chức phát hành	Ngày phát hành/ Công bố TT	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất coupon (năm)	Loại coupon	Kỳ hạn trả lãi	Ghi chú
Ngân Hàng			**18.200**				
OCB	29/05/2019	3 Năm	300	7%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	24-30/05/2019	3 Năm	1.600	6,4%-6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	20-22/05/2019	3 Năm	1.200	6,4-6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	16/05/2019	3 Năm	500	6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	13/5/2019	3 Năm	500	6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	9/5/2019	3 Năm	500	6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	6/5/2019	3 Năm	400	6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
VPB	18/04/2019	3 Năm	500	6,9%	Cố định	12 tháng/lần	Mua lại trước hạn
VPB	16/04/2019	3 Năm	500	6,4 – 6,7%	Cố định	12 tháng/lần	Mua lại trước hạn
VPB	10/4/2019	3 Năm	200	6,4%	Cố định	12 tháng/lần	Mua lại trước hạn
BAB	20/05/2019	3 Năm	300	6,5%	Cố định	12 tháng/lần	Put & call option
BAB	15/05/2019	2 Năm	500	6,5%	Cố định	12 tháng/lần	
HDB	28/05/2019	3 Năm	1.000	6,3%	Cố định	12 tháng/lần	Mua lại trước hạn
HDB	14/05/2019	3 Năm	900	6,3-6,9%	Cố định	12 tháng/lần	
HDB	22/04/2019	2-3N	1.100	6,3-6,8%	Cố định	12 tháng/lần	
VIB	15/05/2019	5 Năm	100	8,83%	Thả nổi: 2% + LSTC	12 tháng/lần	
Seabank	9/5/2019	2-3N	2.250	7,1-7,3%	Cố định	12 tháng/lần	
LPB	25/04/2019	2 Năm	1.000	6,7%	Cố định	12 tháng/lần	
ABB	25/04/2019	3 Năm	2.500	7,0%	Thả nổi	12 tháng/lần	
ACB	22/04/2019	3 Năm	2.350	6,8%	Cố định	12 tháng/lần	
BĐS, XD, Hạ Tầng			**16.230**				
KDH	21/05/2019	2 Năm	450	12,0%		6 tháng/lần	
KDH	03/05/2019	2 Năm	450	12,0%		6 tháng/lần	
PDR	20/05/2019	5 Năm	550	10,5%			
PDR	14/05/2019	1 Năm	100	12,0%		6 tháng/lần	
PDR	18/03/2019	1 Năm	200	14,5%			
NVL	14/05/2019	1 Năm	200	11,0%		6 tháng/lần	Có TSĐB
NVL	29/03/2019	1 Năm	200	10,8%		6 tháng/lần	Có TSĐB
HDG	15/05/2019	2 Năm	250	10,5%	LS =3,7% + LSHĐ 12 tháng		Có TSĐB
VPI	9/5/2019	31 tháng	800	12,0%	Thả nổi. Kỳ tính lãi đầu: 12%. Các kỳ sau: 4,3% + LSHĐ VPB 12 tháng	6 tháng/lần	Có TSĐB
VPI	09/04/2019	3 Năm	80	12,0%		6 tháng/lần	
VPI	22/03/2019	2 Năm	200	9,5%		6 tháng/lần	
CTCP DV Newco	2/5/2019	18 tháng	1.500	10,35%		3 tháng/lần	TSĐB: 26tr cổ phiếu VIC vốn 1250 tỷ tại cty NewVision
TNR Holdings	30/04/2019	2 Năm	494	9,5%		12 tháng/lần	
TNR Holdings	28/01/2019	2 Năm	497	9,5%		12 tháng/lần	
FLC	26/04/2019	2 Năm	300	11,3%	4 kỳ đầu: 11,3%/năm. Các kỳ sau: 4% + LSTC	3 tháng/lần	Có TSĐB
CTI	24/04/2019	2 Năm	80	10,0%	Thả nổi. Năm thứ 2: 3,3%+LSTC	6 tháng/lần	
CTI	08/04/2019	2 Năm	80	10,0%		6 tháng/lần	
DIG	24/04/2019	5 Năm	0.1	5,0%			
MBLand Tonkin	23/04/2019	3 Năm	400	10,2%	Kỳ đầu: 10,2%. Các kỳ sau: 3,5% + LSTC	12 tháng/lần	TSĐB: quyền sử dụng đất
VPL	22/04/2019	5 Năm	1.000	10,5%	2 kỳ đầu: 10,5%. Các kỳ sau: 4,5% + LSTC	3 tháng/lần	TP chuyển đổi, không có TSĐB
VPL	17/04/2019	5 Năm	1.000	10,5%	2 kỳ đầu: 10,5%. Các kỳ sau: 4,5% + LSTC	3 tháng/lần	
BĐS Vạn Phát	22/04/2019	4 Năm	380	10,0%	4 kỳ đầu: 10%. Các kỳ sau: 3,5% + LSHĐ MB 12 tháng	3 tháng/lần	TSĐB: cổ phiếu NVL
KBC	22/04/2019	2 Năm	200	10,5%		6 tháng/lần	
HQC	20/04/2019	5 Năm	1.000	0,0%			TP Chuyển đổi
BOT	16/04/2019		2.000	0,0%			

CTCP Thương mại XD	28/03/2019	7 Năm	1.100	9,8%	4 kỳ đầu: 9.8%. Các kỳ sau thả nổi	3 tháng/lần	Có TSĐB
TCH	22/03/2019	3 Năm	599	5,0%		3 tháng/lần	TP chuyển đổi có TSĐB
FCN	18/03/2019	2 Năm	100	0,0%			
CII	18/03/2019	10 Năm	1.150	7,2%			
CII	11/02/2019	3 Năm	370	9,5%		12 tháng/lần	
CII	02/01/2019	2 Năm	200	0,0%			
VCR	01/03/2019	2 Năm	300	11,0%			TP Chuyển đổi
Chứng khoán			**4.939**				
VND	22/05/2019	2 Năm	300	9,5%		12 tháng/lần	
VND	6/5/2019	1 Năm	500	11,3%	4 kỳ đầu: 11,3%/năm. Các kỳ sau: 4% + LSTC	3 tháng/lần	
VND	18/04/2019	3 Năm	660	10,0%			TP Chuyển đổi
MBS	21/5/2019	1 Năm	150	8,0%	Cố định	6 tháng/lần	
MBS	17/04/2019	3 Năm	200	0,0%			
VDS	15/05/2019	1 Năm	600	9,5%			
BSI	20/04/2019	1 Năm	500	10,0%		12 tháng/lần	
TVB	16/04/2019	3 Năm	80	10,53%			
EVS	02/04/2019	13 Tháng	200	10,0%			
SHS	21/03/2019	2 Năm	700	8,8%		6 tháng/lần	
VDS	01/03/2019	1 Năm	499	9,5%			
VCI	15/01/2019	2 Năm	500	0,0%			
TVB	09/01/2019	2 Năm	50	10,5%			
Khác			**11.459**				
Sovico Holdings	29/05/2019	3 Năm	100	11%	Cố định	6 tháng/lần	
PQC Convention	29/05/2019	6 Năm	180	9,5%	Năm đầu: 9,5%/năm. Kỳ sau: 2,6% + LSTC	1 tháng/lần	Có TSĐB
CTCP Điện mặt trời VSP Bình Thuận II	23/05/2019	7 Năm	230	10,5%	4 kỳ đầu, LS coupon=3,5% + LSHĐ 24 tháng của MB	3 tháng/lần	Có TSĐB
CTCP Thương mại đầu tư sản xuất HN	22/05/2019	42 Tháng	600	11,75%	Năm đầu: 11,75%/năm. Kỳ tiếp theo: 4,25% +LSHĐ 12T của Pvcombank	3 tháng/lần	
CTCP Đầu tư và phát triển du lịch Phú Quốc	20-22/05/2019	3 Năm	700	10,0%	1 năm đầu: 10%/năm. Sau đó: 4% + LSHĐ 12 tháng	3 tháng/lần	TSĐB: cổ phiếu VHM, bảo lãnh thanh toán bởi Vinpearl, TCPH được quyền mua lại sau 12 tháng
NSC	14/05/2019	1 Năm	100	9,0%		12 tháng/lần	
TTC Edu	9/5/2019	3 Năm	300	0,0%			TP chuyển đổi: 32.000 đồng/cổ phần
SBT	26/04/2019	1 Năm	500	10,5%			
DGW	25/04/2019		150	0,0%			
VPD	25/04/2019	1 Năm	200	9,5%		6 tháng/lần	
GIL	21/04/2019		100	0,0%			
PC1	11/04/2019	10 Năm	1.280	0,0%			
SAM	11/04/2019	1 Năm	100	10,0%		6 tháng/lần	
VHE	06/04/2019	3 Năm	100	0,0%			
HSG	04/04/2019	2 Năm	500	0,0%			
CMG	14/03/2019	5 Năm	300	8,8%		6 tháng/lần	
DNP	13/03/2019	6 Năm	457	5,0%			
DNP	5/2/2019	4-6 Năm	457	5,0%	Cố định		Có TSĐB
TTB	13/03/2019	3 Năm	300	10,5%		12 tháng/lần	
HEM	01/02/2019	1 Năm	200	11,0%		6 tháng/lần	
THI	31/01/2019	3 Năm	550	10,5%		6 tháng/lần	
REE	22/01/2019	10 Năm	2.320	7,3%			
MSR	17/01/2019	5 Năm	1.500	10,0%		6 tháng/lần	
KOS	02/01/2019	3 Năm	235	0,0%			
Tổng			**46.948**				

Nguồn: HNX, Stoxplus, MBS.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này được phát hành hàng tuần, tập trung vào các vấn đề của thị trường trái phiếu Việt Nam. Trong báo cáo này, chúng tôi gắn kết các thông tin kinh tế vĩ mô và sự thay đổi của thị trường tiền tệ với thị trường trái phiếu. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cám ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỘI SỞ
Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.